UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05 /2019/QĐ-UBND	*Hải Dương, ngày 08 tháng 3 năm 2019*

SỞ TƯ PHÁP TỈNH HẢI DƯƠNG
ĐẾN Số: 523
Ngày: 14/3/2019
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm2014;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương".

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 3 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục Kiểm tra văn bản *(Bộ Tư pháp)*;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn liên quan *(do UBND cấp huyện sao gửi)*;
- TT Công nghệ thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, Khanh (70b).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Dương Thái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(Ban hành kèm theo Quyết định số 05 /2019/QĐ-UBND ngày 08/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương (bao gồm đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã và các loại đường chuyên dùng khác).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương.

2. Những nội dung không được điều chỉnh tại Quy định này, được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT ngày 07 tháng 6 năm 2018 của Bộ GTVT (sau đây viết tắt là Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT) và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Bảo trì công trình đường bộ là tập hợp các công việc nhằm bảo đảm và duy trì sự làm việc bình thường, an toàn của công trình theo quy định của thiết kế trong suốt quá trình khai thác, sử dụng. Nội dung bảo trì công trình đường bộ có thể bao gồm một, một số hoặc toàn bộ các công việc sau: Kiểm tra, quan trắc, kiểm định chất lượng, bảo dưỡng và sửa chữa công trình nhưng không bao gồm các hoạt động làm thay đổi công năng, quy mô công trình.

2. Cơ quan quản lý đường bộ địa phương là Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

3. Đơn vị (nhà thầu) quản lý, bảo trì đường bộ là tổ chức, cá nhân được cơ quan quản lý đường bộ, doanh nghiệp đầu tư và quản lý khai thác công trình đường bộ, chủ sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng giao nhiệm vụ hoặc hợp đồng thực hiện một hoặc một số công việc bảo trì và khai thác công trình đường bộ. Nhà thầu bảo trì đường bộ bao gồm: Nhà thầu quản lý, bảo dưỡng và khai thác công trình đường bộ; nhà thầu thi công sửa chữa và các nhà thầu khác tham gia thực hiện các công việc bảo trì công trình đường bộ.

4. Đường tỉnh là đường nối trung tâm hành chính của tỉnh với trung tâm hành chính của huyện hoặc trung tâm hành chính của tỉnh lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

5. Đường huyện là đường nối trung tâm hành chính của huyện với trung tâm hành chính của xã, cụm xã hoặc trung tâm hành chính của huyện lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

6. Đường xã là đường nối trung tâm hành chính của xã với các thôn, làng, và đơn vị tương đương hoặc đường nối với các xã lân cận; đường có vị trí quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của xã.

7. Đường đô thị là đường trong phạm vi địa giới hành chính nội thành, nội thị;

8. Đường chuyên dùng là đường chuyên phục vụ cho việc vận chuyển, đi lại của một hoặc một số cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Phân cấp về công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì đường bộ

Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất quản lý nhà nước về công tác quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh và giao cho:

1. Sở Giao thông vận tải quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao, do Tổng cục Đường bộ Việt Nam ủy quyền quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý, khai thác, bảo trì mạng lưới đường huyện, đường đô thị và các tuyến đường khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý, bảo trì mạng lưới đường xã và tổ chức quản lý, bảo trì đường thôn, đường xóm, đường ra đồng trên địa bàn.

4. Các tổ chức, cá nhân sở hữu công trình đường bộ chuyên dùng hoặc tổ chức, cá nhân được chủ sở hữu công trình đường bộ ủy quyền quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ chuyên dùng, quản lý, bảo trì công trình theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Phê duyệt quy trình bảo trì công trình đường bộ đang trong quá trình khai thác

1. Sở Giao thông vận tải thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ đối với đường tỉnh và các tuyến đường khác được Ủy ban nhân dân tỉnh giao quản lý.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định, phê duyệt đối với đường đô thị, đường huyện, đường xã và các tuyến đường khác thuộc phạm vi quản lý.

3. Trách nhiệm lập và phê duyệt quy trình bảo trì thực hiện theo quy định tại Điều 6, Điều 8, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

Điều 6. Quản lý hồ sơ trong giai đoạn khai thác

1. Việc lập hồ sơ trong giai đoạn khai thác bảo trì công trình thực hiện theo quy định tại Điều 13, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT; đồng thời, đơn vị quản lý có trách nhiệm thường xuyên cập nhật vào phần mềm quản lý kết cấu hạ tầng bộ,

hành lang an toàn giao thông những thay đổi liên quan đến từng tuyến đường do đơn vị được giao quản lý. Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

2. Việc lưu giữ hồ sơ:

a) Đơn vị quản lý đường bộ có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ liên quan đến tuyến đường giao quản lý (gồm: Hồ sơ thiết kế, hoàn công, sửa chữa, kiểm định công trình, giải phóng mặt bằng, hành lang an toàn) và có trách nhiệm bàn giao lại cho đơn vị khác khi không còn thực hiện nhiệm vụ quản lý tuyến đường đó.

b) Cơ quan quản lý đường bộ có trách nhiệm quản lý, lưu giữ hồ sơ toàn bộ các tuyến đường được phân cấp quản lý (không bao gồm hồ sơ, tài liệu liên quan đến công tác thường xuyên của đơn vị quản lý).

c) Thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định tại Thông tư số 09/2011/TT-BNV ngày 03 tháng 6 năm 2011 của Bộ Nội vụ.

Điều 7. Nội dung chi tiết công tác bảo trì công trình đường bộ

Bảo trì công trình đường bộ bao gồm: Bảo dưỡng thường xuyên và sửa chữa công trình. Sửa chữa công trình gồm sửa chữa định kỳ và sửa chữa đột xuất, ngoài ra còn có sửa chữa khắc phục sự cố công trình. Nội dung cụ thể công việc được quy định chi tiết tại Phụ lục kèm theo quy định này.

Điều 8. Lập, phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với các tuyến đường sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định tại Điều 17, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT và quy định của UBND tỉnh về sử dụng nguồn vốn Quỹ Bảo trì đường bộ trên địa bàn tỉnh.

2. Đối với các tuyến đường thực hiện đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao (Hợp đồng BOT):

a) Nhà đầu tư căn cứ vào tình trạng công trình đường bộ, phương án tài chính của công tác quản lý, bảo trì trong Hợp đồng BOT để lập kế hoạch bảo trì (vào thời điểm tháng 9 hàng năm).

b) Trước khi Nhà đầu tư phê duyệt kế hoạch bảo trì có sự thống nhất của đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Trước khi Nhà đầu tư phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì có sự thống nhất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Thực hiện kế hoạch bảo trì công trình đường bộ

1. Căn cứ kế hoạch bảo trì hàng năm được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, dự toán chi ngân sách địa phương và kế hoạch chi của Quỹ Bảo trì đường bộ, Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức triển khai thực hiện.

2. Đối với công trình theo Hợp đồng BOT và công trình dự án khác: Doanh nghiệp, Nhà đầu tư dự án căn cứ kế hoạch và chi phí bảo trì được duyệt tổ chức thực hiện bảo trì theo đúng quy định, đảm bảo giao thông an toàn và thông suốt.

3. Đối với công trình đường bộ chuyên dùng, chủ sở hữu công trình tự tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì công trình và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

4. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch bảo trì của các đơn vị có sử dụng nguồn kinh phí từ Quỹ Bảo trì đường bộ.

5. Sửa chữa đột xuất công trình đường bộ thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 10. Quản lý chất lượng công tác bảo trì công trình đường bộ

1. Sở Giao thông vận tải, Phòng Kinh tế hạ tầng hoặc Phòng Quản lý đô thị cấp huyện giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức giám sát, nghiệm thu công tác bảo dưỡng, thi công sửa chữa công trình, lập, quản lý và lưu giữ hồ sơ sửa chữa công trình theo quy định của pháp luật về quản lý công trình xây dựng và các quy định pháp luật khác có liên quan. Việc quản lý chất lượng công trình xây dựng thực hiện theo quy định tại Điều 41 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP.

2. Đối với công trình sửa chữa, bảo trì đường bộ mà Chủ đầu tư (Sở Giao thông vận tải, Ủy ban nhân dân cấp huyện) đồng thời là cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu trong quá trình thi công và khi hoàn thành thi công xây dựng công trình thì giao cho Chủ đầu tư chủ động thực hiện.

3. Đối với các công trình còn trong giai đoạn bảo hành, việc quản lý và sửa chữa đối với công tác bảo dưỡng thường xuyên thực hiện theo quy định tại Khoản 7, Điều 27, Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

Điều 11. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ

1. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì hệ thống quốc lộ được giao ủy quyền quản lý từ nguồn vốn của Quỹ Bảo trì đường bộ Trung ương và từ các nguồn vốn khác theo quy định.

2. Nguồn kinh phí quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị chủ yếu bố trí từ nguồn vốn Quỹ Bảo trì đường bộ địa phương, ngân sách tỉnh, ngân sách huyện và từ các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.

3. Vốn hỗ trợ cho công tác quản lý, bảo trì hệ thống đường xã chủ yếu được cân đối từ nguồn ngân sách cấp xã, đóng góp của nhân dân và các nguồn vốn hỗ trợ khác theo quy định.

Điều 12. Báo cáo thực hiện công tác bảo trì công trình đường bộ

1. Đối với hệ thống đường địa phương, các cơ quan quản lý đường bộ thực hiện trách nhiệm báo cáo theo quy định:

a) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ được giao quản lý và báo cáo về hiện trạng, đánh giá phân loại chất lượng đường bộ gửi Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, trước ngày 05 tháng 12 hàng năm;

b) Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp báo cáo kết quả xây dựng, bảo trì và rà soát, đánh giá phân loại đường giao thông nông thôn gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện để tổng hợp, trước ngày 25 tháng 11 hàng năm;

c) Các đơn vị được giao quản lý, bảo trì đường tỉnh, báo cáo Sở Giao thông vận tải kết quả thực hiện công tác quản lý, bảo trì công trình đường bộ được giao quản lý và báo cáo về hiện trạng, đánh giá phân loại chất lượng đường bộ, trước ngày 05 tháng 12 hàng năm;

d) Nội dung báo cáo theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 37/2018/TT-BGTVT.

2. Sở Giao thông vận tải tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Đường bộ Việt Nam tình hình quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh, Quốc lộ được ủy quyền, đường huyện, đường đô thị, đường giao thông nông thôn và đường chuyên dùng trước ngày 12 tháng 12 hàng năm.

3. Ngoài báo cáo định kỳ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị quy định tại các khoản 1 và khoản 2 Điều này có trách nhiệm báo cáo đột xuất khi có sự kiện bất khả kháng ảnh hưởng đến công trình đường bộ hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; thực hiện các báo cáo khác theo quy định của pháp luật về kế hoạch đầu tư.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm các sở, ban, ngành của tỉnh

1. Sở Giao thông vận tải:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về lĩnh vực quản lý, bảo trì công trình đường bộ trong phạm vi tỉnh;

b) Hàng năm, xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì các tuyến Quốc lộ được ủy quyền trình Tổng cục Đường bộ Việt Nam phê duyệt; xây dựng kế hoạch quản lý, bảo trì hệ thống đường tỉnh gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt; tổ chức thực hiện việc quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao quản lý theo đúng quy định;

c) Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc công tác bảo dưỡng thường xuyên kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; duy trì tình trạng kỹ thuật cầu đường, bảo đảm giao thông thông suốt; phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan liên quan tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; giải tỏa các công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

d) Kiểm tra, thanh tra và xử lý theo thẩm quyền (hoặc kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý) đối với việc thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý, khai thác, bảo trì và bảo vệ công trình giao thông đường bộ, công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được giao quản lý;

đ) Xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra thực hiện công tác phòng chống lụt bão và khắc phục hư hỏng công trình đường bộ do thiên tai, địch họa gây ra trên các tuyến đường tỉnh; tổ chức ứng cứu các công trình trọng điểm, công trình giao thông trên địa bàn. Đối với hệ thống đường tỉnh, trường hợp các tuyến đường bị xuống cấp và hư hỏng nặng do thiên tai, lũ lụt gây ra vượt quá khả năng kinh phí

duy tu bảo dưỡng, Sở Giao thông vận tải lập tờ trình gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính. Căn cứ khả năng đảm bảo của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra, tổng hợp nhu cầu kinh phí khắc phục duy tu, bảo dưỡng và thiên tai trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

e) Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp;

g) Hàng năm, trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, Sở Giao thông vận tải phân bổ chi tiết nguồn vốn để quản lý, bảo trì hệ thống đường bộ được giao;

f) Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ theo phân cấp;

h) Hàng năm rà soát đánh giá, phân loại chất lượng đường bộ được giao quản lý, tổng hợp kết quả phân loại đường địa phương và tình hình quản lý, bảo trì mạng lưới giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Tổng cục Đường bộ Việt Nam theo quy định;

i) Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện Quy định này.

2. Sở Tài chính:

a) Hàng năm có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và Ủy ban nhân dân cấp huyện tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn ngân sách nhà nước, phân bổ kinh phí từ nguồn vốn sự nghiệp và sự nghiệp có tính chất đầu tư hàng năm để thực hiện công tác quản lý, khai thác và bảo trì công trình đường bộ đối với hệ thống đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị, đường xã trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật;

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các đơn vị có liên quan hướng dẫn và thực hiện công tác quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí quản lý bảo trì đường bộ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đúng quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng, thanh toán và quyết toán kinh phí quản lý, bảo trì đường bộ.

Điều 14. Trách nhiệm Uỷ ban nhân dân cấp huyện

1. Tổ chức thực hiện quản lý, bảo trì các tuyến đường bộ được giao quản lý.

2. Thẩm định, phê duyệt quy trình bảo trì đường bộ theo phân cấp.

3. Xây dựng kế hoạch vốn quản lý, bảo trì hàng năm hệ thống đường tỉnh được ủy quyền (nếu có), đường huyện, đường đô thị theo phân cấp gửi Sở Tài chính để tổng hợp trình Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ hành lang an toàn đường bộ, chống lấn chiếm, cưỡng chế dỡ bỏ các công trình xây dựng trái phép để giải toả hành lang an toàn đường bộ (bao gồm cả Quốc lộ và đường tỉnh thuộc địa giới hành chính).

5. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải và các cơ quan liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

6. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

7. Kiểm tra, thanh tra, xử lý theo thẩm quyền đối với việc thực hiện quản lý, bảo trì ở các đơn vị quản lý, sửa chữa đường bộ; công tác đảm bảo giao thông của các nhà thầu thi công trên đường bộ đang khai thác thuộc phạm vi được phân cấp quản lý.

8. Lưu trữ và quản lý hồ sơ quản lý kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo phân cấp.

9. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

10. Trường hợp các tuyến đường huyện, đường đô thị bị xuống cấp và hư hỏng nặng do thiên tai, lũ lụt gây ra vượt quá khả năng kinh phí duy tu bảo dưỡng, Ủy ban nhân dân cấp huyện chủ động sử dụng kinh phí dự phòng ngân sách của địa phương mình để khắc phục. Trường hợp ngân sách không đủ để khắc phục, Ủy ban nhân dân cấp huyện lập tờ trình báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Tài chính. Căn cứ khả năng đảm bảo của ngân sách tỉnh, Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bổ sung kinh phí để tổ chức thực hiện.

11.Thực hiện báo cáo theo quy định tại Điều 12 của quy định này.

Điều 15. Trách nhiệm của Uỷ ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý và bảo trì hệ thống đường bộ được giao trên địa bàn theo phân cấp.

2. Tuyên truyền, phổ biến và giáo dục nhân dân các quy định về phạm vi đất dành cho đường bộ, bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

3. Phối hợp với các đơn vị trực tiếp quản lý công trình đường bộ và các lực lượng liên quan thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình đường bộ (bao gồm cả việc giữ gìn các mốc lộ giới, mốc giải phóng mặt bằng của dự án).

4. Quản lý việc sử dụng đất trong và ngoài hành lang an toàn đường bộ theo quy định của pháp luật; phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp lấn chiếm, sử dụng trái phép đất hành lang an toàn đường bộ.

5. Huy động mọi lực lượng, vật tư, thiết bị để bảo vệ công trình, kịp thời khôi phục giao thông khi bị thiên tai, địch họa.

6. Lập biên bản xử lý vi phạm theo thẩm quyền, trường hợp vượt quá thẩm quyền phải kịp thời củng cố hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý những hành vi vi phạm hành lang an toàn công trình giao thông trên địa bàn xã, phường, thị trấn; thực hiện quản lý hành lang an toàn đường bộ trên địa bàn (bao gồm cả Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và đường đô thị).

7. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn cấp xã quản lý theo quy định của pháp luật.

8. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 của quy định này.

Điều 16. Trách nhiệm của doanh nghiệp đầu tư xây dựng và quản lý khai thác công trình đường bộ

1. Thực hiện việc quản lý, bảo trì công trình đường bộ được giao đúng theo Quy định này, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo trì hoặc quy trình bảo trì công trình, nội dung quy định trong hợp đồng ký với cơ quan quản lý đường bộ và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Chấp hành việc thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 12 của quy định này.

Điều 17. Trách nhiệm của chủ đầu tư, nhà thầu thi công xây dựng dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường bộ đang khai thác

1. Bảo trì công trình đường bộ kể từ ngày nhận bàn giao để thực hiện dự án.

2. Thực hiện các biện pháp đảm bảo giao thông, trực đảm bảo giao thông, tham gia xử lý khi có tai nạn giao thông và sự cố công trình theo quy định của Quyết định này và quy định của pháp luật có liên quan.

3. Chấp hành việc xử lý, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý đường bộ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc thực hiện quy định này và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Điều khoản thi hành

1. Các văn bản được dẫn chiếu tại Quy định này nếu có sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

2. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Dương Thái

PHỤ LỤC

Công tác sửa chữa, bảo trì đường bộ

(Kèm theo Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ trên địa bàn tỉnh Hải Dương ban hành kèm theo Quyết định số 05/2019/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh Hải Dương)

1. Công tác bảo dưỡng thường xuyên

Thực hiện theo Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN ban hành kèm theo Quyết định số 1682/QĐ-TCĐBVN ngày 07 tháng 10 năm 2013 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

2. Công tác sửa chữa định kỳ

Để đảm bảo yêu cầu kỹ thuật công tác sửa chữa định kỳ và hiệu quả đầu tư, căn cứ tình trạng hư hỏng mặt đường, kết cấu mặt đường hiện tại, Chủ đầu tư lựa chọn một trong những phương án sửa chữa mặt đường sau để thực hiện:

- Bù vênh vá láng bằng nhựa nóng;
- Tăng cường kết cấu móng cấp phối đá dăm trên mặt đường cũ + láng nhựa hoặc thảm bê tông nhựa mặt đường;
- Bù vênh bằng thảm bê tông nhựa trên mặt đường cũ.

2.1. Về công tác khảo, thiết kế

2.1.1. Nguyên tắc chung:

a) Xác định chính xác tình trạng, mức độ, phạm vi hư hỏng của công trình, hạng mục công trình (các loại hư hỏng được hướng dẫn cụ thể tại Tiêu chuẩn kỹ thuật bảo dưỡng thường xuyên đường bộ TCCS 07:2013/TCĐBVN);

b) Khảo sát sơ bộ, thu thập dữ liệu liên quan để đánh giá nguyên nhân, mức độ hư hỏng công trình từ đó có giải pháp thiết kế sửa chữa phù hợp. Trong đó có các dữ liệu về: Kết cấu móng, mặt đường hiện trạng, điều kiện địa hình (đường cong, dốc dọc, dốc ngang, nút giao...), điều kiện thủy văn (nền, mặt đường có thường xuyên bị ngập, hoặc đọng nước), điều kiện thoát nước (rãnh dọc, cống), có nguy cơ làm hư hỏng công trình; các số liệu về lưu lượng xe... làm cơ sở đánh giá ảnh hưởng của tải trọng dẫn tới hư hỏng công trình và các số liệu về quá trình quản lý khai thác, bảo dưỡng thường xuyên, sửa chữa trước đây;

c) Thu thập thông tin về thời điểm, quy mô thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, cải tạo, mở rộng trong thời gian tới (nếu có) để đề xuất giải pháp thiết kế (mặt đường, rãnh thoát nước...) cho phù hợp, tránh phá dỡ khi thực hiện các dự án xây dựng cơ bản gây lãng phí (kết cấu phần sửa chữa định kỳ dùng làm lớp móng cho kết cấu xây dựng cơ bản).

2.1.2. Trên cơ sở thị sát đánh giá tình trạng mặt đường cũ, tiến hành theo một số phương pháp sau:

a) Khảo sát bù vênh, vá láng trên mặt đường nhựa cũ nhằm cải tạo êm thuận mặt đường (không tăng cường cường độ mặt đường): Sử dụng phương pháp đánh giá chuyên gia (kiểm tra bằng thước dây, thước thép, thước 3m) đánh giá mức độ lún, lõm trung bình của từng vị trí để đưa ra phương án sửa chữa trực tiếp ngoài hiện trường theo phương pháp phân ô (chiều dày bù vênh trung bình từng ô khác nhau);

b) Khảo sát tăng cường lớp cấp phối đá dăm trên mặt đường đá dăm láng nhựa, mặt đường bê tông nhựa, mặt đường bê tông xi măng, mặt đường cấp phối (đối với các đoạn tuyến đã bị xuống cấp, hư hỏng nặng) hoặc bù vênh, thảm bê tông nhựa trên mặt đường cũ: Khảo sát đo đạc cao độ cắt dọc, cắt ngang (bằng máy thủy bình, toàn đạc...) và các yếu tố kỹ thuật của tuyến đường; tùy theo điều kiện sẽ khảo sát, đo đạc cường độ mặt đường để tính toán kết cấu mặt đường phù hợp, đảm bảo cường độ, tuổi thọ công trình và phù hợp với cấp đường.

2.2. Về phương án, giải pháp thiết kế

2.2.1. Nguyên tắc chung:

a) Cần phải xác định được mục tiêu sửa chữa, tuổi thọ yêu cầu để xác định quy mô và giải pháp sửa chữa đảm bảo hiệu quả kinh tế, kỹ thuật;

b) Phương án thiết kế sửa chữa phải đảm bảo khắc phục được các nguyên nhân gây hư hỏng; các kết cấu sửa chữa phải đảm bảo các điều kiện chịu lực, tuổi thọ phù hợp và tiết kiệm chi phí;

c) Các kết cấu sửa chữa cần nghiên cứu thiết kế phù hợp với kết cấu công trình ban đầu và tình trạng chung cả đoạn tuyến để đảm bảo đồng nhất trên cùng một đoạn tuyến;

d) Khi sửa chữa các đoạn đường qua khu dân cư tập trung cần nghiên cứu sử dụng vật liệu thích hợp hoặc công nghệ kỹ thuật phù hợp đảm bảo hạn chế tối đa việc nâng cao mặt đường ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của dân cư;

e) Khuyến khích việc áp dụng các công nghệ, vật liệu, thiết bị mới vào các công trình sửa chữa đường bộ trên cơ sở so sánh hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

2.2.2. Trên cơ sở khảo sát, đánh giá ngoài hiện trường và nghiên cứu hồ sơ (nếu có) lựa chọn phương án thiết kế phù hợp:

a) Thiết kế bù vênh, vá láng trên mặt đường nhựa cũ: Tiến hành trực tiếp ngoài hiện trường và thể hiện trên sơ đồ duỗi thẳng đoạn tuyến sửa chữa là các ô có thể hiện kết cấu bù vênh láng nhựa trung bình để tạo êm thuận cho ô đó (hồ sơ khảo sát chính là hồ sơ thiết kế);

b) Thiết kế tăng cường lớp kết cấu trên mặt đường cũ:

- Căn cứ số liệu đo cường độ mặt đường hiện trạng hoặc số liệu điều tra có liên quan, xác định chiều dày và loại vật liệu kết cấu lớp tăng cường. Hiện nay thông thường việc tăng cường được thực hiện bằng lớp cấp phối đá dăm sau khi tạo nhám ở mặt đường cũ (chiều dày tối thiểu là 8cm);

- Thiết kế lựa chọn loại kết cấu mặt đường phù hợp (tối thiểu tương đương kết cấu mặt đường cũ), khuyến khích thực hiện loại mặt đường bê tông nhựa;

- Thiết kế bình đồ, trắc dọc, trắc ngang theo các yêu cầu quy định.

c) Thiết kế bù vênh, thảm tăng cường bê tông nhựa trên mặt đường cũ:

- Thiết kế bình đồ, cắt dọc, cắt ngang theo các yêu cầu quy định;

- Xử lý các vị trí hư hỏng cục bộ nền đường, mặt đường đảm bảo yêu cầu kỹ thuật;

- Căn cứ chiều dầy bù vênh có thể thiết kế các lớp bù vênh riêng bằng bê tông nhựa có thành phần hạt lớn hơn;

- Tùy theo quy mô, tính chất, điều kiện thực tế công trình để thiết kế thành phần bê tông nhựa theo quy định. Đối với gói thầu sửa chữa quy mô nhỏ (có cấp công trình nhỏ hơn cấp III) hoặc không đủ kiều kiện xác định hằn lún vệt bánh xe phải đảm bảo giao thông liên tục thì nên áp dụng các thành phần thiết kế bê tông nhựa đã có kết quả thí nghiệm hằn lún vệt bánh xe của các công trình tương tự ở lân cận đã thực hiện (đảm bảo tương tự về trạm trộn, nguồn vật liệu, thiết bị máy móc thi công, điều kiện khu vực...).

2.3. Hồ sơ khảo sát, thiết kế

Thực hiện đầy đủ theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 về quản lý đầu tư xây dựng; Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2015 về chi phí đầu tư xây dựng; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương về quản lý đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh (trong đó quy định về quản lý đầu tư đối với những công trình sử dụng nguồn vốn sự nghiệp, nguồn vốn Quỹ Bảo trì đường bộ có tính chất đầu tư).

3. Công tác sửa chữa đột xuất phải xử lý khẩn cấp để đảm bảo an toàn giao thông

3.1. Công tác sửa chữa đột xuất do hậu quả thiên tai gây ra: Thực hiện theo Thông tư số 30/2010/TT-BGTVT ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Bộ Giao thông vận tải về việc phòng, chống và khắc phục hậu quả lụt, bão trong ngành đường bộ.

3.2. Công tác sửa chữa hư hỏng đột xuất khác phải xử lý khẩn cấp để đảm bảo an toàn giao thông.

a) Đơn vị quản lý đường bộ tuần tra, phát hiện báo cáo ngay Cơ quan quản lý đường bộ (báo cáo ngay qua điện thoại, email, sau đó gửi bằng văn bản); đồng thời có biện pháp cảnh báo giao thông tại vị trí (khu vực) hư hỏng, bố trí lực lượng cảnh giới điều tiết giao thông;

b) Xử lý bước 1: Khi nhận được thông tin, Cơ quan quản lý đường bộ cùng với đơn vị quản lý đường bộ kiểm tra ngay hiện trường, thống nhất phương án để sửa chữa khôi phục đường bộ khẩn cấp, đảm bảo thông xe nhanh nhất và hạn chế thiệt hại công trình đường bộ. Bước 1 được thực hiện đồng thời vừa xử lý, vừa lập hồ sơ để hoàn thiện thủ tục làm cơ sở thanh quyết toán;

c) Xử lý bước 2: Cơ quan quản lý đường bộ tổ chức khảo sát, lập hồ sơ thiết kế xử lý bước 2 để khôi phục công trình theo quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật như trước khi xảy ra sự cố hoặc bền vững hóa, kiên cố hóa công trình. Bước 2 được thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định như đối với công trình xây dựng cơ bản;

d) Trong trường hợp kinh phí xử lý khẩn cấp vượt quá nguồn kinh phí đã được phân bổ, Cơ quan quản lý đường bộ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (đối với đường tỉnh, đường huyện, đường đô thị), Ủy ban nhân dân cấp huyện (đối với đường xã) để được xem xét giải quyết.

4. Công tác sửa chữa khắc phục sự cố công trình

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.
